CUỘC TỔNG TUYỂN CỬ NĂM 1946 VÀ SỰ XÁC LẬP QUYỀN DÂN CHỦ CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM

NGUYỄN THẾ PHÚC(*)

Ngày nhận bài: 02/02/2026 Ngày thẩm định: 06/02/2026 Ngày duyệt đăng: 27/02/2026

Tóm tắt: *Cuộc Tổng tuyển cử ngày 06/01/1946 đánh dấu bước ngoặt vĩ đại trong tiến trình xác lập quyền dân chủ của nhân dân Việt Nam. Sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Tổng tuyển cử đã chuyển hóa quyền lực lâm thời của cách mạng thành quyền lực nhà nước chính danh, hợp pháp theo thông lệ quốc tế. Lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc Việt Nam, người dân hồ hởi, phấn khởi tham gia bầu cử với tinh thần trách nhiệm cao. Sự ra đời của Quốc hội khóa I và việc thông qua Hiến pháp năm 1946 đã hiến định nguyên tắc "tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân", đặt nền tảng pháp lý cho quyền công dân và cấu trúc nhà nước dân chủ mới ra đời. Vì vậy, cuộc Tổng tuyển cử năm 1946 có ý nghĩa và giá trị to lớn đối với tiến trình xây dựng Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân ở Việt Nam hiện nay.*

Từ khóa: *quyền dân chủ; nhân dân Việt Nam; Tổng tuyển cử*

1. Đặt vấn đề

Cuộc Tổng tuyển cử ngày 06/01/1946 bầu Quốc hội khóa I là sự kiện có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong tiến trình cách mạng Việt Nam. Lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc, người dân thật sự được hưởng quyền dân chủ và sinh hoạt chính trị, quyền bầu cử được thực hiện theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu, không phân biệt giới tính, thành phần xã hội, giai cấp, tôn giáo hay dân tộc. Nhân dân, từ vị thế là đối tượng bị trị, nô lệ trong chế độ cũ của thực dân, phong kiến trở thành người chủ nước nhà, trực tiếp ủy quyền cho Nhà nước thông qua phổ thông đầu phiếu, bầu ra người đại diện của mình. Sự kiện này không chỉ có ý nghĩa chính trị cấp bách, mà còn đánh dấu bước chuyển từ chính quyền cách mạng sang Nhà nước dân chủ nhân dân, có cơ sở pháp lý và tính đại diện. Cuộc Tổng tuyển cử năm 1946 đã xác lập quyền dân chủ của nhân dân, góp phần làm rõ quá trình thể chế hóa nguyên tắc chủ quyền nhà nước thuộc về nhân dân; đồng thời, xác lập giá trị dân chủ trong tiến trình xây dựng Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân ở Việt Nam.

(*) TS, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

2. Nội dung xác lập quyền dân chủ của nhân dân qua cuộc Tổng tuyển cử năm 1946

Thứ nhất, Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, đặt tiền đề chính trị của quyền dân chủ nhân dân ở Việt Nam

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công là bước ngoặt có ý nghĩa lịch sử đặc biệt trong tiến trình phát triển của dân tộc Việt Nam. Bằng việc lật đổ ách thống trị của thực dân và chế độ quân chủ chuyên chế, Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã xóa bỏ cơ sở chính trị, pháp lý của một trật tự quyền lực tồn tại mấy chục năm dưới hình thức thuộc địa và hàng nghìn năm dưới hình thức quân chủ chuyên chế, mở ra một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, tự chủ cho nhân dân. Lần đầu tiên trong lịch sử hiện đại của dân tộc Việt Nam, quyền lực nhà nước không còn thuộc về một triều đại quân chủ chuyên chế hay một chính quyền thực dân, mà được chuyển giao cho nhân dân theo phương thức dân chủ đại diện. *Tuyên ngôn độc lập* năm 1945 khẳng định: "Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa"[1]. Lời khẳng định trong bản *Tuyên ngôn độc lập* không chỉ tuyên bố về sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mà còn khẳng định quyền dân tộc tự quyết như một nguyên tắc chính trị, pháp lý nền tảng. Chính vì vậy, ngay sau khi tuyên bố độc lập, ngày 03/9/1945, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, khi đề ra *Những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa,* Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: "Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc TỔNG TUYỂN CỬ với chế độ phổ thông đầu phiếu"[2]. Là người đứng đầu Chính phủ, Hồ Chí Minh hiểu rằng, chủ quyền quốc gia chỉ thực sự bền vững khi gắn liền với chủ quyền nhân dân, tức là khi nhân dân trở thành chủ thể trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định cấu trúc quyền lực nhà nước. Trước bối cảnh đó, Hồ Chí Minh đề nghị Chính phủ lâm thời tổ chức một cuộc tổng tuyển cử toàn quốc. Việc tổ chức bầu cử không chỉ để lựa chọn cơ quan quyền lực cao nhất, mà còn là hành động khẳng định quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, do nhân dân ủy quyền. Điều này đã được thể hiện rất rõ trong *Lời tuyên thệ nhậm chức* của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 02/3/1946: "Trước bàn thờ thiêng liêng của Tổ quốc, trước Quốc hội, thề xin cương quyết lãnh đạo nhân dân kháng chiến, thực hiện nền dân chủ cộng hòa Việt Nam, mang lại tự do hạnh phúc cho dân tộc. Trong công việc giữ gìn nền độc lập, chúng tôi quyết vượt mọi nỗi khó khăn dù phải hy sinh tính mệnh cũng không từ"[3].

Nếu Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã mở đường cho việc giành chính quyền từ tay chế độ cũ, thì tổng tuyển cử là bước chuyển để xác lập quyền dân chủ trên cơ sở pháp lý và thiết chế đại diện. Đây là sự tiếp nối logic của cách mạng, từ giải phóng dân tộc đến thiết lập Nhà nước dân chủ nhân dân, từ quyền lực cách mạng đến quyền lực được hợp pháp hóa bằng sự lựa chọn chính trị của toàn dân. Vì vậy, Cách mạng Tháng Tám năm 1945 không chỉ là sự kiện giành chính quyền, mà còn là tiền đề chính trị, tư tưởng cho việc xác lập quyền dân chủ của nhân dân Việt Nam. Tổng tuyển cử năm 1946 chính là bước phát triển tất yếu của tiền đề đó, đưa nguyên tắc "Nhân dân là chủ"[4] từ tuyên ngôn chính trị trở thành hiện thực trong cấu trúc nhà nước mới như *Tuyên ngôn độc lập* đã khẳng định: "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập"[5].

Thứ hai, Tổng tuyển cử năm 1946 xác lập cơ chế nhân dân thực hiện quyền làm chủ

Cuộc Tổng tuyển cử ngày 06/01/1946 là sự kiện có ý nghĩa đặc biệt trong lịch sử chính trị Việt Nam. Lần đầu tiên, quyền bầu cử được thực hiện theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu, trực tiếp và bỏ phiếu kín - nguyên

tắc cơ bản của dân chủ đại diện hiện đại. "Tất cả công dân trai gái mười tám tuổi đều có quyền ứng cử và bầu cử, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, dòng giống, v.v.."[6]. Trong bối cảnh xã hội Việt Nam vừa thoát khỏi chế độ nửa thuộc địa, nửa phong kiến, việc xác lập quyền bầu cử phổ thông và bình đẳng như vậy là một bước tiến vượt bậc về phương diện dân chủ. Cuộc Tổng tuyển cử có sự tham gia rộng rãi của đông đảo nhân dân, với tỷ lệ cử tri đi bầu rất cao, "trung bình 85%, nhiều nơi đạt 95%"[7], mặc dù điều kiện giao thông khó khăn, nạn đói và "trên 90% số dân Việt Nam không biết chữ"[8] chưa được khắc phục hoàn toàn, cùng với sự chống phá kịch liệt của các thế lực thù địch. Tỷ lệ tham gia bầu cử cao không chỉ phản ánh tinh thần chính trị của quần chúng, mà còn cho thấy sự đồng thuận xã hội đối với nguyên tắc nhân dân là chủ thể quyền lực nhà nước.

Về phương diện lịch sử - chính trị, Tổng tuyển cử năm 1946 đánh dấu bước chuyển căn bản từ mô hình quyền lực mang tính tập quyền truyền thống hoặc chính quyền thực dân sang mô hình quyền lực dựa trên sự ủy quyền của nhân dân. Nếu trong chế độ quân chủ và thuộc địa, người dân bị loại ra khỏi quá trình quyết định chính trị, thì tổng tuyển cử, nhân dân trực tiếp tham gia lựa chọn những người đại diện thay mặt mình thực hiện quyền lực nhà nước. Quyền lực không còn là đặc quyền của một cá nhân hay một nhóm thống trị, mà trở thành kết quả của sự ủy nhiệm chính trị thông qua lá phiếu. Từ góc độ lý luận nhà nước và pháp quyền, tổng tuyển cử là cơ chế cụ thể hóa nguyên tắc chủ quyền nhân dân. Trong lý thuyết dân chủ hiện đại, chủ quyền nhân dân chỉ thực sự có ý nghĩa khi được thể hiện qua thiết chế đại diện và bầu cử hợp pháp. Cuộc Tổng tuyển cử năm 1946 đã chuyển hóa quyền lực cách mạng, vốn được xác lập thông qua "nổi dậy giành chính quyền"[9] thành quyền lực nhà nước có cơ sở pháp lý dựa trên sự lựa chọn của toàn dân bằng lá phiếu dân chủ. Như vậy, quyền lực nhà nước Việt Nam mới không còn được hiểu là quyền lực "tự thân" của chính quyền cách mạng, mà là quyền lực do nhân dân trao thông qua hoạt động chính trị minh bạch. Vì vậy, thông qua lá phiếu, nhân dân tham gia vào quá trình định hình cơ cấu quyền lực quốc gia, với việc lựa chọn đại biểu Quốc hội, nhân dân đã gián tiếp quyết định việc xây dựng Hiến pháp, tổ chức bộ máy nhà nước và hoạch định chính sách quốc gia. Đây là sự thể chế hóa nguyên tắc "tất cả mọi quyền lực đều là *của nhân dân*"[10] được ghi nhận trong Hiến pháp năm 1946: "Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo"[11]. Đặc biệt, đặt cuộc Tổng tuyển cử trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể, đầu năm 1946, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đứng trước vô vàn khó khăn: nạn đói, nền kinh tế kiệt quệ, thực dân Pháp tìm cách quay trở lại xâm lược, các thế lực phản động trong và ngoài nước chống phá chính quyền cách mạng, việc tổ chức một cuộc bầu cử dân chủ trên phạm vi toàn quốc là tuyên bố mạnh mẽ về tính chính danh của nhà nước mới. Chính cơ chế tổng tuyển cử, chính quyền cách mạng đã củng cố cơ sở pháp lý và chính trị trước nhân dân và dư luận quốc tế. Như vậy, Tổng tuyển cử năm 1946 không đơn thuần là một sự kiện bầu cử, mà là cơ chế then chốt để nhân dân thực hiện quyền làm chủ trong thực tiễn, đánh dấu sự chuyển hóa từ quyền lực cách mạng sang quyền lực được hợp pháp hóa thông qua sự ủy quyền phổ quát của nhân dân, đặt nền tảng cho việc xây dựng một nhà nước dân chủ có cơ sở pháp lý rõ ràng và có tính đại diện.

Thứ ba, Quốc hội khóa I và Hiến pháp năm 1946 đặt nền tảng pháp lý vững chắc cho quyền dân chủ của nhân dân

Kết quả trực tiếp và quan trọng nhất của cuộc Tổng tuyển cử ngày 06/01/1946 là sự

ra đời của Quốc hội khóa I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Theo kết quả chính thức, "333 đại biểu đã được bầu vào Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa"(12) từ khắp các vùng, miền trong cả nước, đại diện cho các tầng lớp nhân dân, các đảng phái và tổ chức chính trị khác nhau. Thành phần Quốc hội thể hiện rõ tính chất rộng rãi và đại diện của thiết chế này, bao gồm đại biểu của công nhân, nông dân, trí thức, các tôn giáo, các dân tộc thiểu số và cả những nhân sĩ, trí thức không đảng phái. Điều này phản ánh tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc và nguyên tắc đại diện phổ quát trong điều kiện một nhà nước non trẻ vừa giành được độc lập.

Quốc hội khóa I là cơ quan dân cử cao nhất, nơi biểu hiện tập trung của quyền lực nhân dân. Ngay tại kỳ họp đầu tiên (tháng 3/1946), Quốc hội đã quyết định thành lập Chính phủ chính thức, bầu Chủ tịch nước và thông qua các chính sách quan trọng liên quan đến vận mệnh quốc gia. Thành tựu nổi bật và có ý nghĩa lâu dài nhất của Quốc hội khóa I là xây dựng và thông qua Hiến pháp vào ngày 09/11/1946 sau quá trình chuẩn bị và thảo luận công phu - bản Hiến pháp đầu tiên trong lịch sử. Hiến pháp năm 1946 khẳng định: "Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hòa"(13) và "Chế độ bầu cử là phổ thông đầu phiếu. Nhân dân có quyền bãi miễn các đại biểu mình đã bầu ra"(14). Đây không chỉ là tuyên ngôn chính trị, mà còn là nguyên tắc hiến định, xác lập cơ sở pháp lý của chủ quyền nhân dân trong cấu trúc nhà nước.

Hiến pháp năm 1946 cũng ghi nhận những quyền cơ bản của công dân, như quyền tự do ngôn luận, tự do hội họp, tự do tín ngưỡng, quyền bình đẳng trước pháp luật, quyền bầu cử và ứng cử. Điều 10 quy định rõ: "Công dân Việt Nam có quyền: Tự do ngôn luận. Tự do xuất bản. Tự do tổ chức và hội họp. Tự do tín ngưỡng. Tự do cư trú, đi lại trong nước và ra nước ngoài"(15). Những quy định này cho thấy, quyền dân chủ không chỉ được thực hiện thông qua một cuộc bầu cử duy nhất, mà được bảo đảm bằng hệ thống pháp lý có giá trị tối cao.

Về tổ chức quyền lực nhà nước, Hiến pháp năm 1946 thiết lập cơ cấu, gồm Quốc hội, Chính phủ và hệ thống tòa án, xác định nguyên tắc phân công và phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Trong điều kiện lịch sử cụ thể, việc quy định rõ chức năng, thẩm quyền của các cơ quan nhà nước đã thể hiện tư duy pháp quyền tiến bộ, hạn chế nguy cơ tập trung quyền lực tùy tiện. Sự ra đời của Quốc hội khóa I và Hiến pháp năm 1946 đánh dấu bước chuyển quan trọng từ chính danh cách mạng sang chính danh pháp lý cao nhất là hiến định. Nếu Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và Tổng tuyển cử năm 1946 xác lập quyền lực trên cơ sở ý chí chính trị của nhân dân, thì Hiến pháp năm 1946 đã đặt quyền lực đó vào khuôn khổ pháp luật tối cao. Quyền lực nhà nước được ràng buộc bởi Hiến pháp, vận hành thông qua thiết chế đại diện và chịu sự kiểm soát của pháp luật. Đặc biệt, trong bối cảnh thực dân Pháp nổ súng xâm lược lần thứ hai và những thách thức nghiêm trọng về an ninh, việc ban hành một bản hiến pháp dân chủ có ý nghĩa khẳng định tính chính danh của nhà nước mới trước nhân dân và cộng đồng quốc tế. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không chỉ là kết quả của một cuộc cách mạng giành chính quyền, mà là một nhà nước hợp hiến, dựa trên nguyên tắc chủ quyền nhân dân và tôn trọng quyền công dân. Như vậy, Quốc hội khóa I và Hiến pháp năm 1946 đã tạo lập nền tảng pháp lý vững chắc cho quyền dân chủ của nhân dân Việt Nam. Quyền làm chủ không chỉ được thể hiện qua hoạt động bầu cử, mà được bảo đảm bằng cấu trúc hiến định của Nhà nước. Đây chính là bước hoàn thiện quan trọng trong tiến trình xác lập quyền dân chủ.

3. Ý nghĩa và giá trị của cuộc Tổng tuyển cử năm 1946

Thứ nhất, ý nghĩa của cuộc Tổng tuyển cử năm 1946

Một là, khẳng định cơ sở pháp lý của Nhà nước dân chủ nhân dân. Tổng tuyển cử năm 1946 hợp pháp hóa quyền lực trên cơ sở ý chí và sự ủy quyền của toàn dân. Nhờ vậy, quyền lực nhà nước không chỉ dựa trên thắng lợi cách mạng, mà còn dựa trên sự lựa chọn pháp lý chính trị của nhân dân, đúng với thông lệ quốc tế là "bất cứ một nền dân chủ nào, sự bảo đảm quan trọng nhất về trách nhiệm của chính quyền là công dân có quyền kiểm soát chính quyền của mình thông qua bầu cử"[16].

Hai là, Tổng tuyển cử đặt nền móng cho việc xây dựng một Nhà nước dân chủ nhân dân ở Việt Nam. Lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc, nhân dân được thực hiện quyền bầu cử phổ thông, trực tiếp và bình đẳng. Với 85% cử tri tham gia bỏ phiếu trong điều kiện đất nước vừa giành độc lập, kinh tế kiệt quệ và thù trong giặc ngoài đe dọa cho thấy ý thức chính trị và khát vọng làm chủ của quần chúng nhân dân rất lớn. Đây là biểu hiện sinh động của tinh thần dân chủ và đoàn kết dân tộc trong giai đoạn đầu của nhà nước mới.

Ba là, tạo nền tảng pháp lý cho chế độ mới. Quốc hội không chỉ là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, mà còn là biểu tượng của chủ quyền nhân dân trong cấu trúc nhà nước. Hiến pháp năm 1946, với quy định tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, đã chính thức hiến định nguyên tắc dân chủ và xác lập cơ sở pháp lý cho quyền công dân. Từ đó, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được củng cố về tính chính danh ở trong nước và trên trường quốc tế.

Bốn là, trong bối cảnh tình hình chính trị, quân sự phức tạp đầu năm 1946, việc tổ chức thành công tổng tuyển cử còn khẳng định bản lĩnh chính trị của chính quyền cách mạng, "thực sự là một cuộc động viên chính trị rộng lớn và sâu sắc, biểu thị sức mạnh đoàn kết và quyết tâm làm chủ đất nước của nhân dân ta, tạo cơ sở pháp lý cho cuộc đấu tranh chính trị và ngoại giao của Chính phủ ta, đồng thời làm tăng thêm uy tín quốc tế của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa"[17]. Đây là lời tuyên bố rõ ràng, nhà nước mới được xây dựng trên nền tảng dân chủ và chủ quyền nhân dân, chứ không phải là sự thay thế đơn thuần của một hình thức cai trị này bằng một hình thức khác.

Thứ hai, giá trị của cuộc Tổng tuyển cử năm 1946 đối với tiến trình xây dựng nhà nước và phát triển tư duy dân chủ ở Việt Nam

Một là, sự kiện này khẳng định nguyên lý cơ bản của lý luận nhà nước hiện đại: chủ quyền nhân dân phải được thể hiện thông qua thiết chế đại diện và thủ tục bầu cử hợp pháp. Dân chủ không chỉ dừng lại ở tuyên ngôn chính trị hay khẩu hiệu cách mạng, mà phải được thể chế hóa bằng cơ chế cụ thể để nhân dân tham gia vào việc xác lập và kiểm soát quyền lực nhà nước. Tổng tuyển cử năm 1946 chính là cơ chế hiện thực hóa nguyên tắc đó trong điều kiện lịch sử Việt Nam.

Hai là, cuộc Tổng tuyển cử và sự ra đời của Hiến pháp năm 1946 đã đặt nền tảng cho tư duy nhà nước pháp quyền ở Việt Nam. Quyền lực nhà nước được xác lập thông qua bầu cử, được giới hạn và điều chỉnh bởi Hiến pháp và được vận hành trong khuôn khổ pháp luật.

Ba là, về phương diện lý luận chính trị, Tổng tuyển cử năm 1946 cho thấy sự kết hợp giữa dân chủ đại diện và nguyên tắc đoàn kết dân tộc trong điều kiện một nhà nước mới ra đời. Quốc hội khóa I bao gồm đại biểu của nhiều thành phần xã hội và tổ chức chính trị khác nhau, thể hiện tính bao quát và đại diện rộng rãi. Điều này phản ánh tư duy dân chủ không loại trừ, hướng tới xây dựng một thiết chế quyền lực chung của toàn dân tộc.

Bốn là, khẳng định tính tất yếu của việc thể chế hóa quyền lực sau cách mạng. Một cuộc cách mạng chỉ thực sự bền vững khi quyền lực được đặt trong khuôn khổ hiến định và được nhân dân trao quyền thông qua cơ chế dân chủ. Vì vậy, Tổng tuyển cử năm 1946 không chỉ là một sự kiện chính trị - lịch sử, mà còn là minh chứng cho nguyên tắc: dân chủ phải được bảo đảm bằng thiết chế và pháp luật. Như vậy, cuộc Tổng tuyển cử năm 1946 vừa có ý nghĩa lịch sử to lớn trong việc xác lập quyền dân chủ của nhân dân Việt Nam, vừa có giá trị lý luận lâu dài đối với tiến trình xây dựng nhà nước dân chủ và phát triển tư duy pháp quyền ở Việt Nam.

4. Kết luận

Cuộc Tổng tuyển cử ngày 06/01/1946 có ý nghĩa đặc biệt trong lịch sử chính trị Việt Nam hiện đại. Nếu Cách mạng Tháng Tám năm 1945 mở ra kỷ nguyên độc lập dân tộc và xác lập quyền lực cách mạng trên thực tế, thì Tổng tuyển cử năm 1946 đã chuyển hóa quyền lực cách mạng thành quyền lực nhà nước có cơ sở đại diện và hợp pháp trên nền tảng chủ quyền nhân dân. Thông qua lá phiếu phổ thông, trực tiếp và bình đẳng, lần đầu tiên trong lịch sử nhân dân trở thành chủ thể ủy quyền cho nhà nước, đặt nền móng cho việc xây dựng một nhà nước dân chủ cộng hòa. Nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân không chỉ là một tuyên bố chính trị, mà được thể chế hóa thành quy phạm pháp lý tối cao, ràng buộc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Qua đó, quyền dân chủ của nhân dân không chỉ được thực hiện trong thời điểm bầu cử, mà được bảo đảm trong toàn bộ cấu trúc quyền lực nhà nước. Như vậy, Tổng tuyển cử năm 1946 đã củng cố tính chính danh của nhà nước mới trong điều kiện đầy thách thức, tạo cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh bảo vệ nền độc lập dân tộc. Sự kiện này khẳng định nguyên tắc có giá trị lâu dài, quyền lực nhà nước phải bắt nguồn từ nhân dân, được xác lập thông qua cơ chế dân chủ và được bảo đảm bằng Hiến pháp và pháp luật. Đây chính là nền tảng tư tưởng và pháp lý cho tiến trình xây dựng Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân ở Việt Nam trong suốt chặng đường phát triển tiếp theo❑

---

[1], [2], [3], [5], [6] và [9] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.3, 7, 223, 3, 7 và 2

[4] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sđd, 2011, t.9, tr.90

[7], [8], [12] và [17] Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng, *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2018, t.1, quyển 2, tr.54, 31, 54 và 54

[10] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sđd, t.8, tr.262

[11], [13], [14] và [15] *Hiến pháp Việt Nam năm 1946, 1959, 1980, 1992 và Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.8, 8, 11 và 10

[16] Nguyễn Đăng Dung (Chủ biên), *Chính trị học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020, tr.270